

Số: 117/2024/QĐST-HNGĐ

B, ngày 29 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 146/2024/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Võ Thị Mai T, sinh năm 1988. Địa chỉ: số C, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Anh Trần Khánh D, sinh năm 1987. Địa chỉ: số C, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị Mai T và anh Trần Khánh D. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 100, ngày 15/11/2010 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

2. Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự:

2.1. Về con chung: Chị Võ Thị Mai T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Khánh Gia B, sinh ngày 05/8/2011 và Trần Khánh Gia L, sinh ngày 21/02/2015 (Cháu B, cháu L có nguyện vọng sống chung với chị T). Anh Trần Khánh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 1.000.000đ/01 con chung (Một triệu đồng/một

con chung) cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Thời gian thực hiện cấp dưỡng tính từ ngày 21/6/2024.

Anh Trần Khánh D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

2.4. Án phí hôn nhân và gia đình + cấp dưỡng nuôi con chung hòa giải thành là: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Võ Thị Mai T tự nguyện nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004211 ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Án phí vụ kiện chị T đã nộp xong.

Hoàn trả cho chị Võ Thị Mai T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004212 ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Văn Long

